



THỰC TRẠNG DẠY HỌC ĐỌC MỞ RỘNG TRONG MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4 Ở MỘT SỐ TRƯỜNG TIỂU HỌC TRÊN ĐỊA BÀN LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

Hoàng Thị Hồng Phương¹, Huỳnh Phước Hải¹, Nguyễn Hoài Vũ¹, Bùi Thanh Hồng¹

¹Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia TP. HCM

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 11/06/2025

Ngày nhận kết quả bình duyệt:
01/08/2025

Ngày chấp nhận đăng: 10/2025

Title:

The reality of teaching
extensive reading in
Vietnamese for grade 4 at some
primary schools in Long Xuyen,
An Giang province

Keywords:

Extensive reading, current
status of extensive reading,
4th-grade Vietnamese
language, primary

Từ khóa:

Đọc mở rộng, thực trạng đọc
mở rộng, Tiếng Việt lớp 4,
tiểu học

ABSTRACT

Extensive Reading (ER) is mandatory in the 2018 General Education Program. In the academic year 2023-2024, for the first time, 4th-grade teachers organized this activity in Vietnamese language classes, encountering numerous challenges in the process. Based on the analysis of survey data collected from primary school teachers in Long Xuyen City, An Giang Province, regarding their awareness of ER activities, the teaching organization process, teaching methods, advantages, challenges, and proposed suggestions for implementing ER, this article draws conclusions about the current state of ER teaching in 4th-grade Vietnamese language classes.

TÓM TẮT

Đọc mở rộng là một hoạt động bắt buộc trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Năm học 2023-2024, lần đầu tiên giáo viên lớp 4 tổ chức hoạt động này trong dạy học Tiếng Việt nên đã gặp không ít khó khăn. Từ kết quả phân tích số liệu khảo sát giáo viên ở một số trường tiểu học trên địa bàn thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang về nhận thức đối với hoạt động đọc mở rộng, quá trình tổ chức dạy học, phương pháp dạy học, những thuận lợi, khó khăn và đề xuất khi dạy đọc mở rộng, bài viết rút ra kết luận về thực trạng dạy học đọc mở rộng trong dạy học Tiếng Việt lớp 4.

1. MỞ ĐẦU

Đọc là một hoạt động quan trọng trong quá trình nhận thức của con người. Thông qua hoạt động đọc, con người có thể tiếp thu những giá trị, kinh nghiệm, những tinh hoa văn hóa, những thành tựu của khoa học,... từ đó, góp

phần thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Đối với học sinh (HS), hoạt động đọc là một yêu cầu gần như bắt buộc trong quá trình học tập, chiếm lĩnh tri thức. Riêng môn Ngữ văn, hoạt động đọc là một nhiệm vụ mang tính đặc trưng của môn học. Chương trình Giáo dục phổ

Kể từ ngày 01/7/2025, đơn vị hành chính đã được điều chỉnh theo quy định mới. Các tên gọi cũ trong bài được giữ nguyên theo dữ liệu và thời điểm nghiên cứu

thông (CTGDPT) 2018 (Bộ Giáo dục và đào tạo, 2018) đặc biệt chú trọng đến phát triển năng lực đọc, trong đó có đọc mở rộng (ĐMR). Đây là một trong những yêu cầu bắt buộc trong việc rèn kỹ năng đọc ở bậc phổ thông nói chung, bậc tiểu học nói riêng.

Thuật ngữ ĐMR được Palmer khởi xướng vào năm 1917 nhằm phân biệt nó với đọc chuyên sâu. ĐMR được hiểu là đọc một lượng lớn văn bản nhằm hiểu tổng thể văn bản (Day & Bamford, 1998); người học quan tâm đến những gì họ đang đọc và nên đọc với sự chú ý vào ý nghĩa của văn bản hơn là học các đặc điểm ngôn ngữ của văn bản (Nation, 2004); đọc các đoạn văn để giải trí với ngôn ngữ đơn giản và mục đích của việc đọc là hiểu được ý nghĩa chung (Chiu-Kuei, 2015). Tài liệu được cung cấp khi đọc mở rộng nhằm tạo cơ hội cho học sinh hiểu khá rõ về tài liệu đó mà không cần bất kỳ sự trợ giúp nào từ nguồn bên ngoài (Aliponga, 2013). ĐMR có thể cải thiện tốc độ đọc một cách rõ rệt nhờ vào việc đọc nhiều tài liệu. Nó giúp người đọc đọc trôi chảy hơn trong một thời gian (Bamford, D., 2004), giúp phát triển thói quen đọc, củng cố vốn từ và cấu trúc, tạo hứng khởi cho việc đọc (Chiu-Kuei, 2015). Bên cạnh đó, thông qua việc học từ cách đọc bao quát các ngữ liệu và nắm được ý nghĩa của văn bản đọc giúp HS dần hình thành khả năng tự học. Những câu chuyện, thông tin thú vị và hấp dẫn ngoài SGK khiến người học tự nhận định được khả năng cảm thụ văn học của bản thân, đáp ứng các điều kiện cần thiết cho việc học đọc phù hợp trình độ thông thạo kỹ năng ngôn ngữ của bản thân. (Nation, 2004)

Ở Việt Nam, ĐMR còn khá xa lạ với giáo viên (GV), nhất là giáo viên tiểu học. Những tài liệu nghiên cứu về ĐMR còn hạn chế. Hầu hết các công trình, bài viết bàn nhiều về ĐMR trong việc dạy ngôn ngữ thứ hai. Khi CTGDPT 2018 ban hành, một số nhà nghiên cứu và GV đã quan tâm đến ĐMR, vai trò, lợi ích của ĐMR

đối với HS và đề ra một số giải pháp để nâng cao hiệu quả của hoạt động này. Có thể kể đến một số công trình như: *Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt ở Tiểu học* (Đỗ Ngọc Thống và các cộng sự, 2018), *Xây dựng trang blog hỗ trợ đọc mở rộng trong dạy học Tiếng Việt lớp Bốn tại thành phố Hồ Chí Minh* (Nguyễn Ngọc Thùy An, 2022), *Đọc mở rộng trong chương trình và sách giáo khoa Tiếng Việt ở Tiểu học* (Đặng Thị Lệ Tâm, 2022), *Giải pháp nâng cao hiệu quả đọc mở rộng cho học sinh lớp 4 và 5 tại thành phố Huế* (Hồ Thị Thanh Nhân, 2022), *Dạy học nội dung “Thực hành đọc mở rộng văn bản” theo thể loại trong môn Ngữ văn ở trung học phổ thông* (Hoàng Thị Mai, 2023),... Nhìn chung, các công trình nghiên cứu nêu trên ở những mức độ khác nhau đã làm rõ khái niệm ĐMR; sự cần thiết, nội dung của việc hình thành và phát triển kỹ năng ĐMR cho HS. Tuy nhiên, chưa có công trình nghiên cứu nào tìm hiểu về nhận thức của GV đối với hoạt động ĐMR, các hình thức, phương pháp tổ chức cũng như những thuận lợi và khó khăn của GV lớp 4 khi dạy học ĐMR. Nghiên cứu dưới đây tập trung vào việc khảo sát các GV đang dạy lớp 4 ở một số trường tiểu học trên địa bàn thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang để có những cơ sở khoa học nhằm đánh giá thực trạng dạy học ĐMR ở lớp 4 hiện nay.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Để tìm hiểu thực trạng, chúng tôi sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi (thực hiện trên Google Form, đường link: <https://forms.gle/QDbp5wQTZPcNCCpn7>).

Dựa vào các nội dung khảo sát đã được xác định, chúng tôi đã thiết kế mẫu phiếu khảo sát GV. Phiếu khảo sát gồm có 13 câu hỏi xoay quanh 2 nội dung: Nhận thức của GV về ĐMR và hoạt động ĐMR trong dạy học Tiếng Việt lớp 4 (khái niệm, tính chất bắt buộc của hoạt động ĐMR và sự cần thiết của việc tổ chức hoạt

động ĐMR,...) và Thực trạng tổ chức ĐMR trong dạy học Tiếng Việt lớp 4 (mức độ tổ đã được gửi cho 2 GV đang dạy lớp 4 đọc, trả lời thử và góp ý. Sau khi phân tích các góp ý, mẫu phiếu đã được chỉnh sửa, hoàn thiện và gửi cho 45 GV đang trực tiếp giảng dạy lớp 4 tại 7 trường tiểu học thuộc 7 phường khác nhau trên địa bàn thành phố Long Xuyên trên địa bàn thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, cụ thể: Trường Phổ thông Thực hành Sư phạm (7 GV), Trường Tiểu học Phạm Hồng Thái (5 GV), Trường Tiểu học Nguyễn Du (10 GV), Trường Tiểu học Chu Văn An (5 GV), Trường Tiểu học Châu Văn Liêm (6 GV), Trường Tiểu học Hàm Nghi (7 GV), Trường Tiểu học Lê Văn Tám (6 GV). Đây là những trường nằm ở trung tâm thành phố Long Xuyên; cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy tốt; vị trí thuận lợi cho việc đi lại khảo sát. Sau khi thu đủ phiếu, chúng tôi tiến hành phân tích, xử lý số liệu.

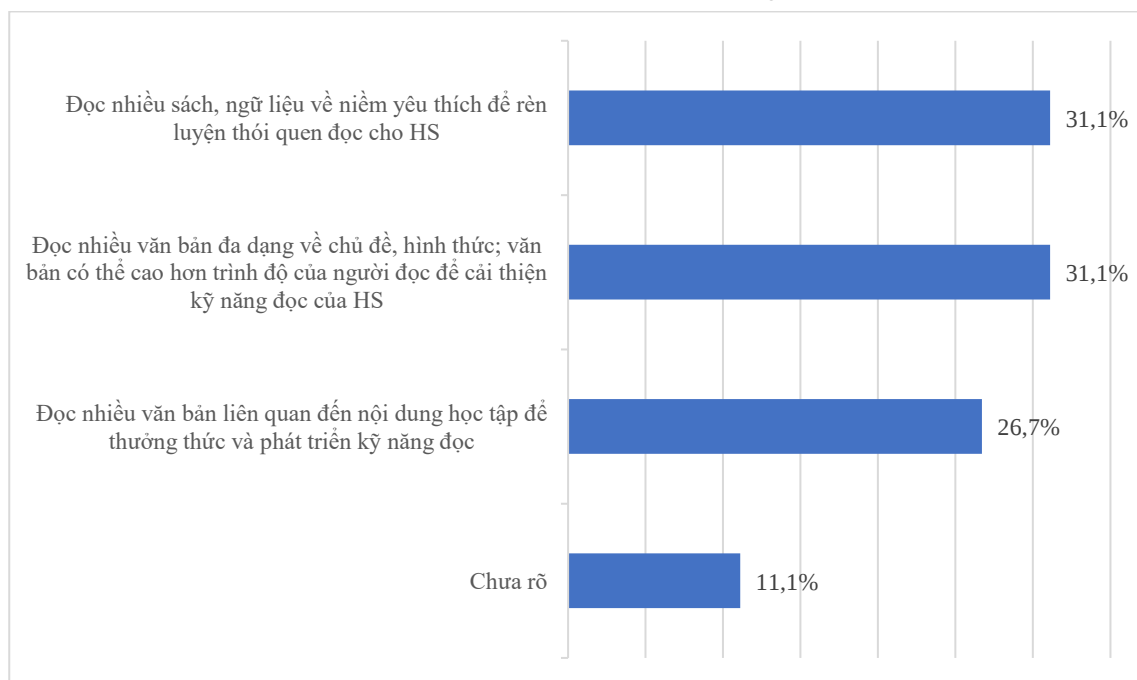
2.2. Kết quả nghiên cứu và phân tích kết quả nghiên cứu

chức, các hình thức, phương pháp cũng như thuận lợi, khó khăn khi tổ chức,...). Mẫu phiếu

2.2.1. Nhận thức của GV về đọc mở rộng, hoạt động đọc mở rộng trong dạy học Tiếng Việt

Để tìm hiểu nhận thức của GV về ĐMR cũng như hoạt động ĐMR trong dạy học Tiếng Việt, chúng tôi tiến hành tìm hiểu nhận thức của GV về một số vấn đề lý luận liên quan đến ĐMR.

Về khái niệm, chúng tôi đưa ra một số dữ kiện liên quan đến các cách hiểu về ĐMR. Kết quả thu được (Biểu đồ 1), chúng tôi nhận thấy đa số GV quan tâm và hiểu rõ về ĐMR: 26.7% GV hiểu ĐMR là “*đọc nhiều văn bản liên quan đến nội dung học tập để thường thức và phát triển kỹ năng đọc*”; 31.1% GV hiểu ĐMR là “*đọc nhiều văn bản đa dạng về chủ đề, hình thức; văn bản có thể cao hơn trình độ của người đọc để cải thiện kỹ năng đọc của HS*”; 31.1% GV hiểu ĐMR chính là “*đọc nhiều sách, ngữ liệu về niềm yêu thích để rèn luyện thói quen đọc cho HS*”. Đáng chú ý có 11,1% GV chọn chưa rõ về ĐMR là gì.



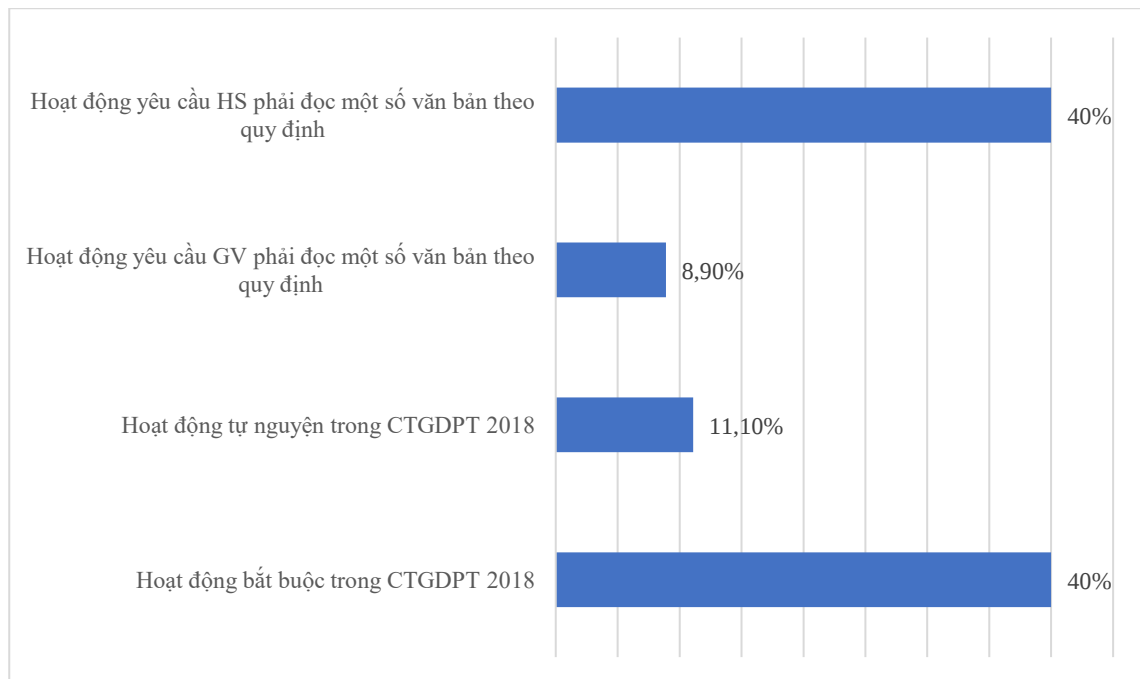
Hình 1. Biểu đồ nhận thức của GV về khái niệm đọc mở rộng

Kết quả trên cho ta thấy, GV hiểu ĐMR theo những cách khác nhau. Nguyên nhân của thực trạng này là do dù CTGDPT môn Ngữ văn 2018 xác định ĐMR là yêu cầu “bắt buộc” trong yêu cầu của kỹ năng đọc, tuy nhiên, chương trình cũng như các tài liệu tập huấn sách giáo khoa (SGK) chưa đề cập cụ thể và giải thích rõ về khái niệm ĐMR. Thêm vào đó, ĐMR cũng là một khái niệm còn khá mới mẻ ở Việt Nam nên nhiều GV không tránh khỏi sự lúng túng khi “va chạm” vào khái niệm này.

Về sự cần thiết của việc tổ chức, hướng dẫn HS ĐMR, với câu hỏi: “*Theo thầy/cô, việc tổ chức, hướng dẫn học sinh đọc mở rộng có cần thiết*

không?”, chúng tôi nhận được kết quả: đa số GV cho rằng việc tổ chức, hướng dẫn ĐMR trong môn Tiếng Việt ở mức độ rất cần thiết và mức độ cần thiết với tỉ lệ lần lượt (55.6%, 33.3%). Tuy nhiên, vẫn còn một ít GV (8.9% GV cho rằng *Ít cần thiết*, 2.2% GV *phân vân*) chưa thật sự thấy được tầm quan trọng của hoạt động này đối với HS.

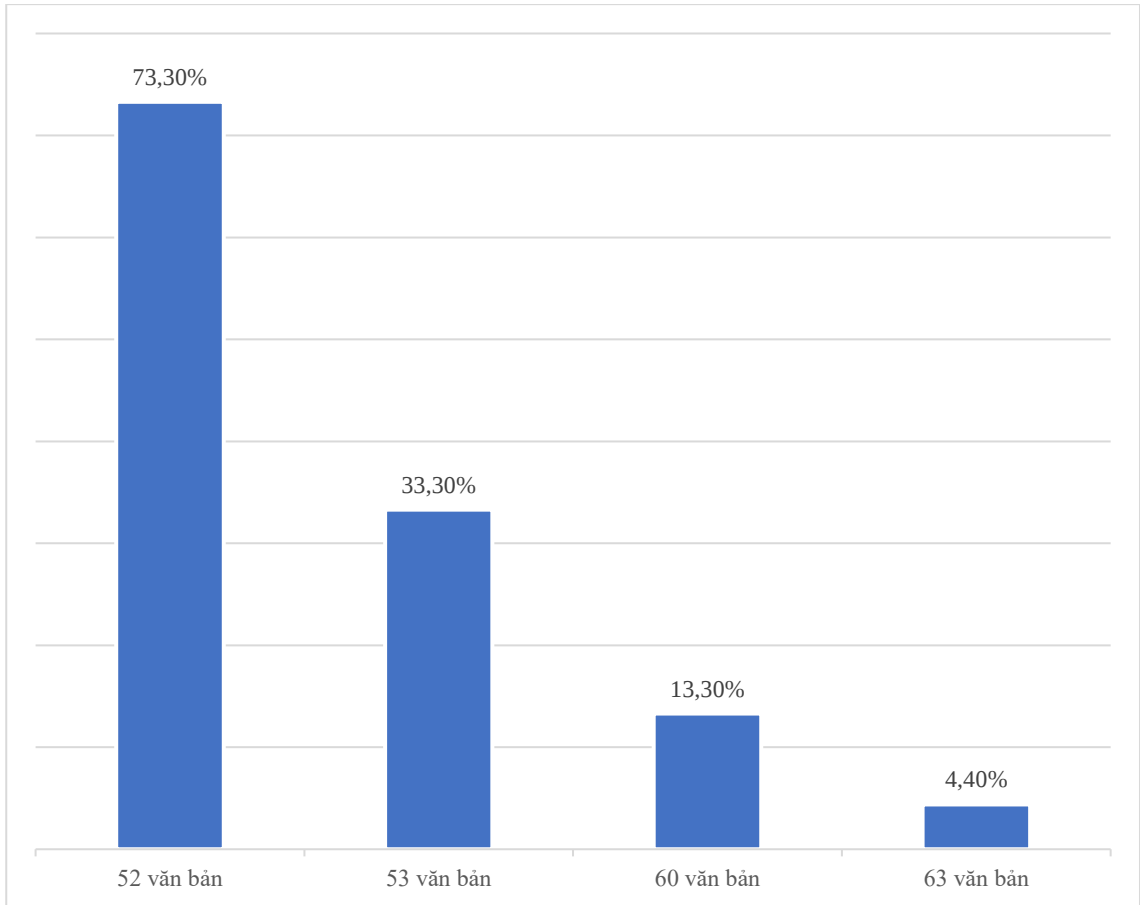
Hoạt động ĐMR là một hoạt động bắt buộc trong CT Ngữ văn 2018. Tuy nhiên với câu hỏi “*Theo thầy/cô, hoạt động đọc mở rộng là hoạt động như thế nào?*”, chỉ có 40% GV chọn phương án “*ĐMR là hoạt động bắt buộc trong CTGDPT 2018*” (Biểu đồ 2).



Hình 2. Biểu đồ nhận thức của GV về hoạt động ĐMR trong dạy học Tiếng Việt

Kết quả này cho thấy, đa số GV chưa thật sự quan tâm, hiểu rõ về CTGDPT 2018 nói chung và hoạt động ĐMR nói riêng. Chính vì vậy, khi chúng tôi tìm hiểu nhận thức của GV về số lượng văn bản tối thiểu được yêu cầu ĐMR trong CT Tiếng Việt lớp 4, chỉ có 15 GV chọn

đúng đáp án (chiếm 33.3%) (Biểu đồ 3). CTGDPT 2018 đã đưa ra yêu cầu cần đạt về ĐMR, trong năm học, HS đọc tối thiểu 35 văn bản văn học và 18 văn bản thông tin với độ dài tương đương văn bản đã học. Tức là, trong một năm học HS cần phải đọc tối thiểu 53 văn bản.



Hình 3. Biểu đồ nhận thức của GV về số lượng văn bản ĐMR cần đạt

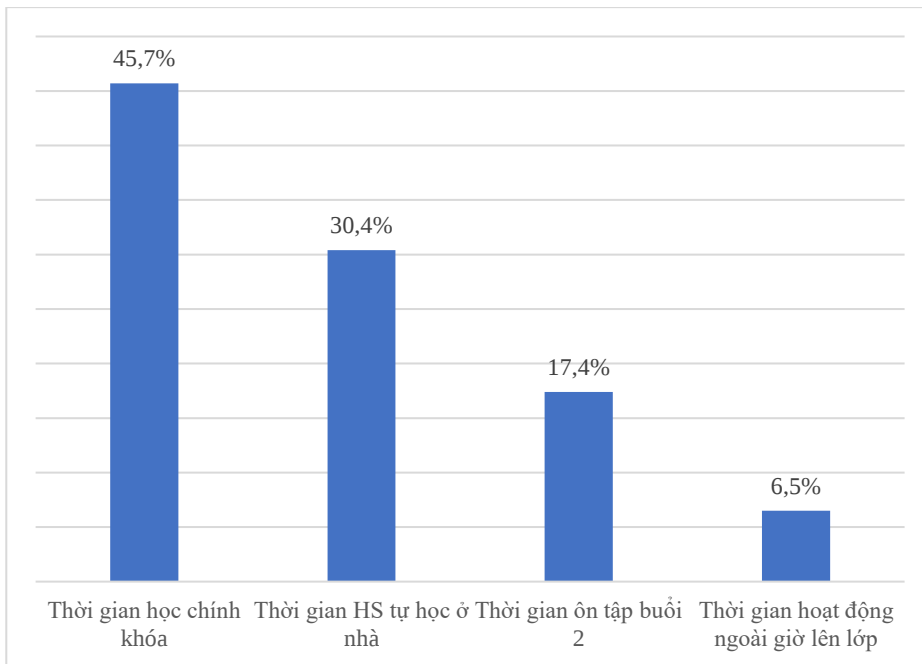
2.2.2. Thực trạng tổ chức ĐMR trong dạy học Tiếng Việt lớp 4

Bên cạnh việc tìm hiểu nhận thức của GV về ĐMR, chúng tôi còn tiến hành khảo sát thực trạng tổ chức ĐMR của GV ở các phương diện như mức độ tổ chức, các hình thức, phương pháp cũng như thuận lợi, khó khăn khi tổ chức,... Kết quả thu được như sau:

Về mức độ tổ chức hoạt động ĐMR, trong thực tiễn giảng dạy ở học kì 1 năm học 2023-2024, qua kết quả khảo sát, chúng tôi nhận thấy GV đã quan tâm đến việc tổ chức tiết ĐMR cho HS,

cụ thể: 80% GV tổ chức ở mức độ thường xuyên, 2,2% GV tổ chức ở mức độ luôn luôn. Tuy nhiên, vẫn còn một số GV (17,8%) ít quan tâm đến hoạt động này nên chỉ tổ chức ở mức độ thỉnh thoảng.

Về thời gian tổ chức (**Biểu đồ 4**), đa phần GV tổ chức hoạt động đọc mở rộng trong thời gian học chính khóa (45,7%) và thời gian HS tự học tại nhà (30,4%). Ở các tiết ôn tập buổi 2 hoặc các hoạt động ngoài giờ lên lớp hầu như ít được sử dụng để tổ chức, hướng dẫn ĐMR cho HS.



Hình 4. Biểu đồ thời gian tổ chức hoạt động ĐMR của GV

Quy trình tổ chức, hướng dẫn được sử dụng chủ yếu ở các trường hiện nay là “GV cung cấp văn bản, nêu yêu cầu, định hướng đọc hiểu văn bản; HS tự đọc văn bản một cách độc lập (46.7%) và GV cung cấp văn bản, nêu định hướng đọc hiểu văn bản và yêu cầu cần đạt; học sinh tự đọc văn bản theo yêu cầu, định hướng của giáo viên (31.1%). Với hai quy trình này, năng lực đọc, đọc hiểu, ĐMR của HS chưa được phát triển đúng mức. GV là người cung cấp sẵn các văn bản cần tìm đọc, HS chưa có tính tự chủ trong học tập và khả năng sáng tạo cũng chưa cao. Bên cạnh đó, HS sẽ tự đọc văn bản một cách độc lập, thiếu sự tương tác, trao đổi ý kiến, cảm nhận của bản thân về nội dung, văn bản với bạn bè, thầy cô, có thể dẫn đến chưa nắm được nội dung văn bản một cách chính xác. Các quy trình khác “GV nêu chủ đề; HS tự tìm văn bản phù hợp với chủ đề và tự đọc”, “GV giới thiệu văn bản cần đọc; HS tự tìm và tự đọc văn bản” đều có tỉ lệ thấp lần lượt là (15.6%, 6.7%). Kết quả này cho thấy rằng thực trạng tổ chức, hướng dẫn ĐMR trong môn

Tiếng Việt ở các trường Tiểu học vẫn còn mang tính truyền thống, chưa có sự đổi mới, đa dạng, GV là người giới thiệu văn bản, định hướng thực hiện và HS chỉ việc làm theo hướng dẫn.

Phương pháp/ kỹ thuật dạy học được GV sử dụng tổ chức, hướng dẫn ĐMR trong môn Tiếng Việt có vai trò quan trọng. Nó là một trong những điều kiện tiên quyết để đạt Yêu cầu cần đạt của hoạt động dạy học. Phương pháp/ kỹ thuật được lựa chọn phải phù hợp với điều kiện của nhà trường, lớp học và HS, đồng thời tạo được sự hứng thú học tập, tích cực tham gia hoạt động của HS. Tùy theo từng chủ đề nội dung, thể loại văn bản và năng lực của từng cá nhân, nhóm, lớp, GV có thể lựa chọn một hay phối hợp nhiều phương pháp/ kỹ thuật một cách linh hoạt. Điều quan trọng là các phương pháp được chọn lựa phải phát huy cao độ vai trò tích cực chủ động và sáng tạo của HS, khai thác tối đa kinh nghiệm, vốn hiểu biết xã hội sẵn có của các em. Qua khảo sát, chúng tôi thu được kết quả như sau: (Bảng 1).

Bảng 1. Kết quả về thực trạng sử dụng các phương pháp/ kỹ thuật dạy học ĐMR

TT	Phương pháp/ kỹ thuật dạy học	Kết quả	
		Số lượng	Tỉ lệ (%)
1.	Phương pháp kể chuyện	25	55.6
2.	Phương pháp đóng vai	21	46.7
3.	Phương pháp thuyết trình	25	55.6
4.	Phương pháp trò chơi	16	35.6
5.	Phương pháp thảo luận nhóm	36	80
6.	Kỹ thuật sử dụng sơ đồ tư duy	8	17.8
7.	Kỹ thuật ngâm thơ, đọc diễn cảm	15	33.3
8.	Kỹ thuật đọc thầm	25	55.6
9.	Kỹ thuật đọc thành tiếng	27	60

Bảng 1 cho thấy phương pháp/ kỹ thuật dạy học được GV sử dụng thường xuyên khi tổ chức hướng dẫn ĐMR trong môn Tiếng Việt 4 là hướng dẫn HS *đọc thành tiếng* (60%), *đọc thầm* (55.6%) để nắm nội dung văn bản. GV còn phối hợp sử dụng các PPDH phù hợp với đặc điểm hoạt động của môn học và tạo được sự hứng thú cho HS như *phương pháp thảo luận nhóm*, *phương pháp kể chuyện*, *phương pháp thuyết trình*, *phương pháp đóng vai*, *phương pháp trò chơi*. Các phương pháp được GV sử dụng thường xuyên thường được tổ chức trong phạm vi lớp học, giúp GV dễ quản lí lớp khi tổ chức và không cần quá nhiều thời gian để GV và HS chuẩn bị nội dung cũng như đồ dùng học tập. Tuy nhiên một kỹ thuật được xem là một trong những tiêu chí đánh giá khả năng cảm thụ văn bản của HS vẫn chưa được GV chú trọng đó chính là *ngâm thơ*, *đọc diễn cảm*. Kỹ thuật sử dụng sơ đồ tư duy cũng là kỹ thuật mà hầu như ít được GV sử dụng. Kết quả này cho thấy, đối với việc tổ chức hoạt động ĐMR cho HS, GV đã nhận thức được việc cần tổ chức thông qua nhiều phương pháp và kỹ thuật dạy học khác nhau để phù hợp với từng tiết dạy và thu hút HS. Tuy nhiên, GV vẫn còn tập trung sử dụng

các phương pháp quen thuộc, thường hay sử dụng mà chưa chú ý đến các phương pháp/ kỹ thuật đặc thù để phát triển năng lực đọc của HS.

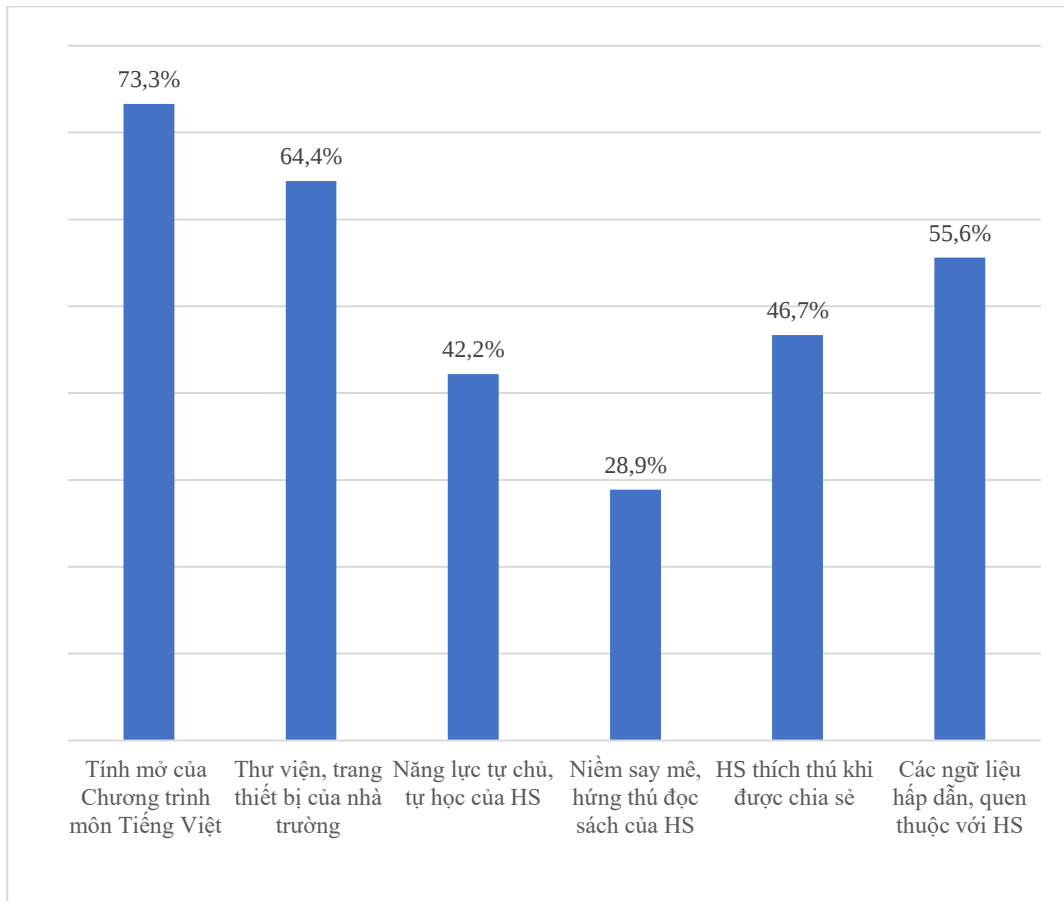
Nguồn văn bản đọc mở rộng đáp ứng về số lượng và phù hợp nội dung theo từng chủ đề là một trong những yếu tố quyết định hiệu quả của việc tổ chức, hướng dẫn ĐMR. Qua kết quả khảo sát, chúng tôi nhận thấy nguồn tài liệu được sử dụng trong hoạt động ĐMR chủ yếu là các văn bản được gợi ý trong SGK bộ Chân trời sáng tạo (77.8%), các văn bản trong SGK của các bộ sách khác (53.3%). Điều này cho thấy ưu điểm của tính mở của chương trình Tiếng Việt. Mặc dù mỗi trường sử dụng một loại SGK Tiếng Việt của nhà xuất bản khác nhau, nội dung văn bản khác nhau nhưng vẫn đảm bảo kiến thức cơ bản, cốt lõi về văn học và những văn bản quy định bắt buộc. Từ đó GV có thể tham khảo từ các bộ SGK khác nhau để chọn lọc các văn bản đọc phù hợp nội dung chủ đề và đối tượng HS. Bên cạnh hai nguồn tài liệu trên, GV còn sử dụng nguồn tài liệu được GV trong những bộ sách tham khảo về dạy học tiếng Việt (46.7%); văn bản sưu tầm từ các hình thức khác nhau, đặc biệt qua mạng internet (44.4%). Một số GV còn tự biên soạn văn bản

để làm phong phú hơn nguồn tài liệu, tuy nhiên, tỉ lệ này rất nhỏ (chỉ 6.7%).

Khi lựa chọn ngữ liệu cho hoạt động ĐMR, GV thường theo các tiêu chí như: phục vụ trực tiếp cho việc phát triển các phẩm chất và năng lực theo mục tiêu, yêu cầu cần đạt của chương trình (68.9%); phù hợp với kinh nghiệm, năng lực nhận thức, đặc điểm tâm - sinh lí của học sinh ở từng lớp học, cấp học (51.1%), ngữ liệu có sử dụng từ ngữ, cấu trúc câu,... quen thuộc, phù hợp với trình độ sử dụng ngôn ngữ của học sinh

(53.3%); có giá trị đặc sắc về nội dung và nghệ thuật, tiêu biểu về kiểu văn bản và thể loại, chuẩn mực và sáng tạo về ngôn ngữ (40%); ngữ liệu có nguồn gốc rõ ràng, tin cậy, có thể kiểm tra được (48.9%). Tiêu chí Ngữ liệu có độ dài tương đương với các ngữ liệu đã được lựa chọn đưa vào SGK ít được GV chú ý đến, chỉ 31.1% GV chú ý đến tiêu chí này.

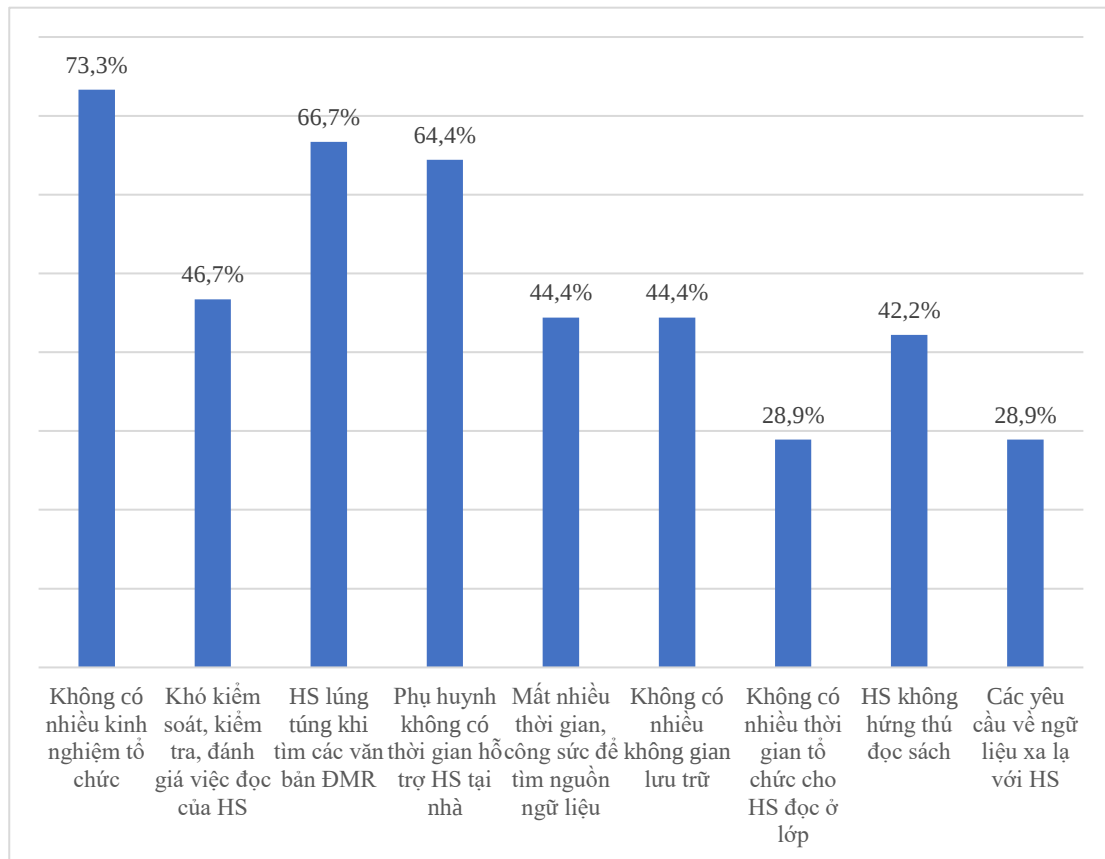
Về những thuận lợi và khó khăn trong quá trình tổ chức, hướng dẫn cho HS ĐMR, chúng tôi thu được kết quả như sau:



Hình 5. Biểu đồ những thuận lợi trong việc tổ chức, hướng dẫn HS ĐMR

Khảo sát *Biểu đồ 5. Những thuận lợi trong việc tổ chức, hướng dẫn HS ĐMR*, chúng tôi nhận thấy thuận lợi trong việc dạy ĐMR hiện nay tập trung vào một số vấn đề: tính mở của Chương trình môn Tiếng Việt (73.3%); thư viện, trang

thiết bị của nhà trường (64.4%); các ngữ liệu hấp dẫn, quen thuộc với HS (55.6%); năng lực tự chủ, tự học của HS (42.2%); HS thích thú khi được chia sẻ (42.2%); niềm say mê, hứng thú đọc sách của HS (28.9%).



Biểu đồ 6. Những khó khăn trong việc tổ chức, hướng dẫn HS ĐMR

Khảo sát *Biểu đồ 6. Những khó khăn trong việc tổ chức, hướng dẫn HS ĐMR*, chúng tôi nhận thấy khó khăn lớn nhất của GV đó chính là thiếu kinh nghiệm tổ chức hoạt động ĐMR (73.3%); HS lúng túng khi tìm các văn bản ĐMR (66.7%); phụ huynh không có thời gian hỗ trợ HS tại nhà (64.4%); Khó kiểm soát, kiểm tra, đánh giá việc đọc của HS (46.7%); không có nhiều thời gian tổ chức cho HS đọc tại lớp (44.4%); GV mất nhiều thời gian, công sức, tìm kiếm nguồn tài liệu (44.45%); thiếu không gian lưu trữ sách, tài liệu (28.9%).

So sánh số liệu ở hai biểu đồ 5 và 6 có thể thấy rằng GV có khi có ý kiến trái chiều. Ví dụ, cùng sử dụng SGK Tiếng Việt lớp 4 của bộ Chân trời sáng tạo nhưng có 25 GV (55.6%) cho rằng các ngữ liệu hấp dẫn, quen thuộc với HS là điểm

thuận lợi thì cũng có 13 GV (28.9%) nói ngược lại. Như vậy, việc đánh giá sự quen thuộc, tính hấp dẫn của các ngữ liệu phụ thuộc khá nhiều vào tính chủ quan và kinh nghiệm của GV. Tương tự, trong khi 13 GV (28.9%) cho rằng HS hứng thú, yêu thích đọc sách thì cũng có 15 GV (33.3%) than phiền rằng việc HS không hứng thú đọc là một trong những khó khăn của việc tổ chức, hướng dẫn HS khi ĐMR.

Các GV cũng đề xuất nhiều giải pháp, cách thức để giúp việc tổ chức, hướng dẫn HS ĐMR hiệu quả hơn như: Bộ Giáo dục, Sở Giáo dục, Phòng Giáo dục cần phải tăng cường tổ chức các hoạt động tập huấn, các buổi dạy chuyên đề để GV có thể hiểu rõ hơn về ĐMR và tổ chức ĐMR cho HS; Cần có một nguồn tài liệu phong phú và đa dạng, phù hợp với các chủ đề, phù

hợp với tâm sinh lý HS để GV không mất quá nhiều thời gian và công sức trong việc tìm kiếm ngữ liệu; Thư viện trường cần trang bị thêm nhiều nguồn sách để đáp ứng nhu cầu đọc của HS và tìm kiếm tài liệu của GV; Phụ huynh học sinh cần hỗ trợ hoạt động học tập của con em mình,...

3. KẾT LUẬN

Qua việc thực hiện nghiên cứu, khảo sát về thực trạng dạy học ĐMR khối lớp 4 ở các trường trên địa bàn thành phố Long Xuyên, chúng tôi đã rút ra một số thực trạng đang tồn tại trong dạy học ĐMR, cụ thể như sau:

Thứ nhất, việc nhận thức về ĐMR và hoạt động ĐMR trong dạy học Tiếng Việt, phần lớn GV hiểu rõ về ĐMR, tính chất bắt buộc của hoạt động này, tổ chức hoạt động này thường xuyên theo đúng theo tinh thần của CTGDPT 2018. Tuy nhiên, vẫn còn một ít GV hiểu chưa đúng, chưa thấu đáo về hoạt động này.

Thứ hai, việc tổ chức hoạt động ĐMR cho HS, GV đã tổ chức với nhiều thời gian, hình thức khác nhau; sử dụng phối hợp nhiều phương pháp/ kỹ dạy dạy học nhằm phát triển kỹ năng đọc của HS, đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình. Tuy nhiên, GV vẫn còn tập trung sử dụng các phương pháp quen thuộc, thường hay sử dụng mà chưa chú ý đến các phương pháp/ kỹ thuật đặc thù để phát triển năng lực đọc của HS.

Thứ ba, trong quá trình dạy ĐMR, bên cạnh những thuận lợi thì GV cũng gặp không ít những khó khăn về nguồn tài liệu, ngữ liệu, sự phối hợp giữa các bên trong quá trình dạy học, hứng thú học tập, niềm say mê đọc sách của HS. Từ đó, GV cũng đề xuất các giải pháp, cách thức để có thể tổ chức, hướng dẫn HS ĐMR đạt hiệu quả hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Aliponga, J. (2013). Reading Journal: Its Benefits for Extensive Reading.

International Journal of Humanities and Social Science, 3(12), 73-80.

Day, R. R., & Bamford, J. (2004). *Extensive Reading Activities for teaching language*. Cambridge University Press.

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT)*.

Chiu-Kuei C.C. (2015). Applying Extensive Reading to Improve Unmotivated Learners' Attitudes toward Reading in English. *International Journal of Learning, Teaching and Educational Research*, 13(2), 1-25.

Day, R. R., & Bamford, J. (1998). *Extensive reading in the second language classroom*. Cambridge: Cambridge University Press.

Đặng Thị Lệ Tâm. (2022). Đọc mở rộng trong chương trình và sách giáo khoa Tiếng Việt ở Tiểu học. *TNU Journal of Science and Technology*, 227 (09), 289-295.

Đỗ Ngọc Thống, Đỗ Xuân Thảo, Phan Thị Hồ Điệp & Lê Phương Nga. (2018). *Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt ở Tiểu học*. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

Hoàng Thị Mai. (2023). Dạy học nội dung “Thực hành đọc mở rộng văn bản” theo thể loại trong môn Ngữ văn ở trung học phổ thông. *Tạp chí Giáo dục* (2023), 23(14), 13-17.

Hồ Thị Thanh Nhân. (2022). Giải pháp nâng cao hiệu quả đọc mở rộng cho học sinh lớp 4 và 5 tại thành phố Huế. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế*, 1(61)/2022, 133-138.

Nation, P. (2004). Vocabulary learning and intensive reading. *English Australia Journal*, 21(2), 20-29

- Nation, P. (2004). Vocabulary learning and intensive reading. *English Australia Journal*, 21(2), 20-29.
- Nguyễn Ngọc Thùy An. (2022). *Xây dựng trang Blog hỗ trợ đọc mở rộng trong dạy học tiếng Việt lớp Bốn tại thành phố Hồ Chí Minh*. Truy cập từ: <https://123docz.net/document/8716465-xay-dung-trang-blog-ho-tro-doc-mo-rong-trong-day-hoc-mon-tieng-viet-lop-bon-tai-thanh-pho-ho-chi-minh.htm>